

Khoảng tháng 09/2018, chị Trần Thị P và Phan Văn T quen biết nhau trên mạng xã hội Facebook và nhận lời yêu nhau. Ngày 29/9/2018, T rủ chị P đi hội đèn T2 ở xã T3, huyện L, tỉnh H. Sau khi đi hội, T và chị P thuê nhà nghỉ để quan hệ tình dục. Sau đó T và chị P tiếp tục quan hệ tình dục nhiều lần tại nhà ở của T. Trong các lần quan hệ tình dục, T dùng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO FI 1 quay lại video clip cảnh quan hệ tình dục của hai người và lưu trong máy điện thoại của T làm kỷ niệm. Khoảng tháng 3 năm 2019, thấy không hợp nhau nên chị P đã chấm dứt quan hệ tình cảm với T. T không đồng ý nên chụp lại hình ảnh trong các clip quay cảnh chị P khóa thân và quan hệ tình dục với T gửi cho chị P nhưng chị P vẫn không đồng ý quay lại với T. Trong thời gian từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020 T lập các tài khoản Facebook : "Phan T"; "Bùi N"; "Quỳnh C"; "Bích P"; "Phương P"; "Trần P"; "Nguyễn Tiến Đ1"; "Hoàng N" và "Nguyễn H2" và các tài khoản Zalo: "Phan T"; "Phan Đ"; "Mai A"... đã gửi những hình ảnh khóa thân của chị P được chụp lại trong video clip đã quay trước đó cho chị P và người thân, bạn bè của chị P gồm: anh Hoàng Văn K (chồng chị P); bà Lê Thị T4 (mẹ đẻ chị P); chị Trần Thị B (chị gái chị P); chị Hà Thị T5 (bạn chị P) với mục đích làm nhục chị P. Mặt khác, T còn dùng các tài khoản Facebook kết bạn với những người bạn của chị P, bạn của chị Bích để gửi những hình ảnh khóa thân của chị P vào phần bình luận của những người này. Tại những địa điểm huyện L, huyện K1, tỉnh H và một số địa điểm khác T không xác định được, T gửi những hình ảnh khóa thân của chị P cho những người trên.

Ngày 30/12/2019, chị Trần Thị P có đơn trình báo đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh đề nghị giải quyết. Ngày 20/02/2020, Phan Văn T đến Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh H đầu thú và tự nguyện giao nộp 1 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11. Ngày 26/02/2020, chị Trần Thị P có đơn đề nghị khởi tố đối với Phan Văn T. Tiến hành khám xét chỗ ở của Phan Văn T ở thôn T1, xã Đ, huyện L: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Kết quả kiểm tra, khai thác, trích xuất dữ liệu trên điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 màu đen, số IMEI1 869874043867074; MEI2 869874043867066, bên trong có lắp sim số 0988469373, cũ đã qua sử dụng do T giao nộp xác định: Tại bộ nhớ điện thoại, thư mục "Security Lock" có 01 File video có tên "1566232089430.mp4", thời lượng 12 phút 32 giây; 11 File hình ảnh chụp cảnh người, cảnh khóa thân, cảnh quan hệ tình dục;

Tại bộ nhớ điện thoại, thư mục "youcut" có 01 File video có tên "Youcut-20200210-001748130.mp4", thời lượng 04 phút 23 giây.

Sau khi kiểm tra, khai thác dữ liệu điện thoại đã in 11 hình ảnh đã khai thác ra 11 tờ giấy A4, trên mỗi tờ giấy có chữ ký xác nhận của Phan Văn T;

Tiến hành trích sao File video có tên “1566232089430.mp4” và File video “Youcut_20200210_001748130.mp4” ra 01 đĩa DVD và niêm phong.

Về trách nhiệm dân sự: Chị P yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HS-ST ngày 28/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh H đã tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Làm nhục người khác”.

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 155; Điều 38, Điều 47; Điều 50; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Áp dụng Điều 106; Điều 135; khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585 và 592 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 09 (Chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 20/02/2020 đến ngày 28/02/2020.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/8/2020, bị cáo Phan Văn T kháng cáo đề nghị xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Phan Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo cho rằng bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị xin được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc ông bà, bố, mẹ đều già yếu và cung cấp Giấy biên nhận ngày 21/9/2020 của gia đình chị Trần Thị P xác nhận đã nhận số tiền 14.900.000 đồng Phan Văn T phải bồi thường cho bị hại theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo xác định Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Phan Văn T 09 (Chín) tháng tù về tội “Làm nhục người khác” là phù hợp. Không có căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phan Văn T kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, thể hiện:

Chị Trần Thị P và Phan Văn T quen biết nhau trên mạng xã hội Facebook và nhận lời yêu nhau. Ngày 29/9/2018, T rủ chị P đi hội đèn T2 ở xã T3, huyện L, tỉnh H. Sau khi đi hội, T và chị P thuê nhà nghỉ để quan hệ tình dục. Sau đó T và chị P tiếp tục quan hệ tình dục nhiều lần tại nhà ở của T. Trong các lần quan hệ tình dục, T dùng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO FI 1 quay lại video clip cảnh quan hệ tình dục của hai người và lưu trong máy điện thoại của T làm kỷ niệm. Khoảng tháng 3 năm 2019, chị P đã chấm dứt quan hệ tình cảm với T. T không đồng ý nên từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020 T lập các tài khoản Facebook với nhiều nicnam khác nhau để gửi những hình ảnh khóa thân của chị P được chụp lại trong video clip đã quay trước đó cho chị P và người thân, bạn bè của chị P với mục đích làm nhục chị P. Và gửi những hình ảnh khóa thân của chị P vào phần bình luận trên mạng xã hội.

Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Làm nhục người khác” theo điểm a, e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy:

Bị cáo bị truy tố, xét xử theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm với 02 tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội” nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Tòa án sơ thẩm đã xem xét về các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bản thân bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội, đã hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương để vận dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp. Ngày 21/9/2020, bị cáo đã tự nguyện thi hành phần bồi thường cho bị hại theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo đề nghị được hưởng án treo của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kháng cáo của bị cáo Phan Văn T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị Phan Văn T; giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã xét xử bị cáo Phan Văn T về tội “Làm nhục người khác” như sau:

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 155; Điều 38, Điều 47; Điều 50; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Áp dụng Điều 106; Điều 135; khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 09 (Chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 20/02/2020 đến ngày 28/02/2020.

2. Bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Công an tỉnh H;
- Trại tạm giam tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai